

Bản án số: 355/2020/HCPT
Ngày: 08/10/2020
V/v: *Khiếu kiện quyết định
hành chính*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Anh Dũng;

Ông Nguyễn Văn Cường.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quốc Huy - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 08 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 135/2020/TLPT-HC ngày 03 tháng 3 năm 2020, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2019/HC-ST ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7275/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, vụ án có các đương sự sau:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1948 (chết ngày 15/12/2019).

Địa chỉ: Thôn 2 M (xóm 7), xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T:

1. Bà Trần Thị L, sinh năm 1948;
2. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1979;
3. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1978;
4. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1984;
5. Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1985;

Đều trú tại: Thôn 2, M, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, anh T1, anh T3 và anh T4: Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn 2 M (xóm 7), xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Đặng Thị T5- Công ty Luật TNHH BHL, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức N - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam (Văn bản ủy quyền ngày 01/10/2020).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ủy ban nhân dân huyện L cũng trình bày từ tháng 3/2020 Ủy ban nhân dân xã Đ sáp nhập với Ủy ban nhân dân thị trấn V theo Nghị quyết của Quốc hội.

2. Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Xuân H - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy H1 - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

3. Bà Trần Thị L, sinh năm 1948.
4. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1979.
5. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1984.
6. Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Thôn 2 M (xóm 7), xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Bà L, anh T1, anh T3 và anh T4 ủy quyền cho chị Nguyễn Thị T2, có mặt (Văn bản ngày 12/3/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung và quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn T và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là chị Nguyễn Thị T2 trình bày:

Gia đình ông Nguyễn Văn T có diện tích đất 235m² đất ở nông thôn và 80m² đất ở đô thị. Do thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở và thương mại thị trấn V nên ngày 02/11/2016, Ủy ban nhân dân huyện L (sau đây viết tắt là UBND) đã ban hành 02 Thông báo thu hồi đất số 1364/TB-UBND dự kiến thu hồi diện tích đất là 80m² và Thông báo số 1370/TB-UBND dự kiến thu hồi diện tích đất là 235m² của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T. Ngày 10/11/2017, UBND huyện L ban hành 02 Quyết định thu hồi đất số 5722/QĐ-UBND thu hồi 80m² đất ở đô thị và Quyết định số 5729/QĐ- UBND thu hồi 235m² đất ở nông thôn của hộ ông Nguyễn Văn T. Ngày 08/5/2018, Chủ tịch

UBND huyện L ban hành 02 Quyết định cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất số 2850/QĐ-UBND và số 2851/QĐ-UBND đối với hộ ông Nguyễn Văn T. Ông không nhất trí với các Thông báo và Quyết định nêu trên vì chưa có Quyết định phê duyệt của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam mà UBND huyện L đã thực hiện thu hồi là không đúng quy định của pháp luật; vị trí thu hồi đất không phù hợp với quy hoạch được phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở và thương mại thị trấn V địa điểm tại thị trấn V mà hai thửa đất của hộ ông đang sử dụng đều ở Đ nên không liên quan đến dự án tại thị trấn V. Mặt khác, UBND huyện L không lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định đối với hộ ông khi thu hồi đất để phục vụ dự án.

Ông khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên hủy các Thông báo thu hồi đất số 1364/TB-UBND, số 1370/TB-UBND cùng ngày 02/11/2016; Quyết định thu hồi đất số 5722/QĐ-UBND, số 5729/QĐ-UBND cùng ngày 10/11/2017; Quyết định cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất số 2850/QĐ-UBND, số 2851/QĐ-UBND cùng ngày 08/5/2018 của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch UBND huyện L.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện L và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Hộ ông Nguyễn Văn T có 02 thửa đất liền kề nhau là thửa số 154, Tờ bản đồ số 10 (nay là thửa số 26 Tờ bản đồ số 16) diện tích 235m² đất ở nông thôn tại thôn 2 M, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam và thửa số 409 tờ bản đồ số 04 (nay là thửa 126, tờ bản đồ 09) có diện tích 80m² đất ở đô thị tại tổ dân phố V, thị trấn V, huyện Lý N, tỉnh Hà Nam. Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Quyết định của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở và thương mại thị trấn V, Ủy ban nhân dân huyện L và Chủ tịch UBND huyện L đã ban hành các thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với hộ ông T. Tuy đã ban hành quyết định cưỡng chế nhưng đến nay chưa thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông T do ông đang khởi kiện ra Tòa án. UBND huyện khẳng định việc ban hành các quyết định nêu trên đều đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn, thẩm quyền, nội dung về thu hồi đất theo quy định của Luật đất đai; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP cùng ngày 15/5/2014 của Chính phủ và đảm bảo được lợi ích của Nhà nước và nguyện vọng của nhân dân. Do vậy, đề nghị bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã Đ và UBND thị trấn V do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Về thực hiện việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn T, UBND xã Đ và thị trấn V đã phối hợp cùng Hội đồng giải phóng mặt bằng và tổ công tác giải phóng mặt bằng triển khai kế hoạch giải phóng mặt bằng tới toàn thể các hộ dân nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng dự án có diện tích đất bị thu hồi; thực hiện việc bàn giao, niêm yết công khai các văn bản liên quan đến thu hồi diện tích đất của hộ ông T theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, UBND xã Đ và thị trấn V nhất trí với quan điểm của UBND huyện L, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị L, anh Nguyễn Văn T1, anh Nguyễn Văn T3, anh Nguyễn Văn T4: Trong quá trình giải

quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều từ chối tham gia tố tụng và không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Tại các đơn đề ngày 20/02/2019, anh T3, anh T5 và anh T1 không đồng ý Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập các anh tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và xác định diện tích đất bị thu hồi là tài sản của bố mẹ, không phải tài sản được thừa kế nên không có quyền lợi liên quan đến quyết định thu hồi đất.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2019/HC-ST ngày 17/7/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc hủy các Thông báo thu hồi đất số 1364/TB-UBND ngày 02/11/2016 và số 1370/TB-UBND ngày 02/11/2016; Quyết định thu hồi đất số 5722/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 và số 5729/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 của UBND huyện L và Quyết định cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất số 2850/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 và số 2851/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh Hà Nam.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/7/2019, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là chị Nguyễn Thị T2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị T2 và Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị T2 trình bày Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 phê duyệt lựa chọn nhà đầu tư không tuân thủ đúng quy định của Luật đầu thầu; dự án không đầy đủ hồ sơ pháp lý theo quy định của pháp luật nhưng vẫn triển khai thực hiện; không có văn bản chấp thuận đầu nối giao thông; các tài liệu Ủy ban nhân dân huyện L cung cấp thể hiện có tài liệu không đảm bảo quy định của Luật Tổ tụng hành chính, chỉ là bản photo có đóng dấu treo của Trung tâm phát triển quỹ đất và Tòa án cấp sơ thẩm không đưa hết các thành viên trong hộ gia đình của ông T là vi phạm tố tụng. Đồng thời, Luật sư bảo vệ quyền lợi của chị T2 cũng cho rằng mặc dù chị T2 không khởi kiện phương án bồi thường khi thu hồi đất, nhưng cho rằng gia đình ông T bị thu hồi 02 thửa đất ở hai vị trí khác nhau và thửa đất tại thị trấn V bị thu hồi hết diện tích đất nên hộ gia đình ông T phải được bồi thường một suất tái định cư theo quy định. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của chị T2, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, hủy Thông báo số 1364/TB-UBND ngày 02/11/2016, Thông báo số 1370/TB-UBND ngày 02/11/2016 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc thu hồi đất về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở và thương mại tại thị trấn V, huyện L đối với hộ ông Nguyễn Văn T; hủy Quyết định số 5729/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 và Quyết định số 5722/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở và thương mại tại thị trấn V,

huyện L; hủy Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 và Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở và thương mại tại thị trấn V, huyện L đối với đối hộ ông Nguyễn Văn T.

Đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam khẳng định trước thời điểm thu hồi đất gia đình ông T không ở trên diện tích đất bị thu hồi. Do địa giới thị trấn V liền kề với địa giới xã Đ, chỉ cách nhau một máng nước nên quá trình sử dụng gia đình ông T đã lấn chiếm 80m² đất tại thị trấn V liền kề với diện tích của gia đình ông T tại xã Đ, sau này đã được hợp thức hóa nên diện tích đất của hộ gia đình ông T ở 2 địa giới khác nhau nhưng thực tế là một thửa đất.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện L và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L khẳng định quy trình, thủ tục đầu tư dự án khi lựa chọn nhà thầu đầu tư đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Việc thu hồi đất của hộ gia đình ông T đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đất đai. Sau khi có quyết định thu hồi đất, gia đình ông T mới chở vật liệu đến dựng nhà tạm trên đất. Toàn bộ diện tích đất của gia đình ông T đã nằm trong quy hoạch dự án đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật; việc ban hành Thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất là để giải phóng mặt bằng và khi có mặt bằng triển khai xây dựng dự án thì mới cần đến các quy định điểm đầu nối giao thông, Ủy ban nhân dân huyện L đã làm thủ tục trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt điểm đầu nối giao thông theo quy định. Đối với đề nghị của hộ gia đình ông T được hưởng chính sách tái định cư đối với diện tích 80m² đất thu hồi tại thị trấn V là không phù hợp với quy định của pháp luật và không đảm bảo công bằng đối với các trường hợp khác có đất bị thu hồi. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã kết luận: Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình ông T là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Gia đình ông T sống ở nơi khác và đã xác nhận kiểm kê đất, tài sản đối với diện tích đất bị thu hồi để thực hiện giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở và thương mại nên Ủy ban nhân dân huyện L phê duyệt phương án bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất bị thu hồi của hộ gia đình ông T là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu; chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận và trình bày của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 13/4/2018, ngày 05/7/2018, ngày 24/7/2018 và ngày 5/10/2018 ông Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện và đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu hủy: Thông báo số 1364/TB-UBND ngày 02/11/2016 và Thông báo số 1370/TB-UBND ngày 02/11/2016 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở và thương mại tại thị trấn V, huyện L đối với hộ ông Nguyễn Văn T; Quyết định số 5722/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 và Quyết định số 5729/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở và thương mại tại thị trấn V, huyện L; Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 và Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở và thương mại tại thị trấn V, huyện L đối với thửa 409, Tờ bản đồ số 4 và thửa 154, Tờ bản đồ số 10 của hộ ông Nguyễn Văn T. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đảm bảo thời hiệu khởi kiện và thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính và Điều 5 mục V Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao.

[1.2] Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị T2 là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T hợp lệ, được gửi trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí theo quy định tại các Điều 205, 206 Luật Tố tụng hành chính nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T chết (Giấy chứng tử xác định ông T chết ngày 15/12/2019). Theo nội dung Biên bản họp gia đình ngày 12/3/2020 do chị Nguyễn Thị T2 xuất trình thể hiện: Bà Trần Thị L, anh Nguyễn Văn T1, anh Nguyễn Văn T3, anh Nguyễn Văn T4 (là vợ và các con của ông T) thống nhất cử chị Nguyễn Thị T2 tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt bà Trần Thị L, anh Nguyễn Văn T1, anh Nguyễn Văn T3, anh Nguyễn Văn T4 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Chị Nguyễn Thị T2 khẳng định và cam kết các chữ ký tại biên bản họp gia đình nêu trên là chữ ký của bà L, anh T1, anh T3, anh T4 và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử. Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị T2, đại diện Ủy ban nhân dân huyện L, Ủy ban nhân dân thị trấn V và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đều đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử phúc thẩm thảo luận thấy đây là phiên tòa mở lần thứ 2, các đương sự vắng mặt đều không có kháng cáo, có văn bản cử chị T2 làm đại diện tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm và tại giai đoạn xét xử sơ thẩm anh T1, anh T3 và anh T4 có đơn không đồng ý tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; xác định diện tích đất bị thu hồi là tài sản của bố mẹ các anh, không có quyền lợi liên quan đến quyết định thu hồi đất nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị T2 là người đại diện ủy quyền của ông T đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của ông T, hủy các Thông báo thu hồi đất; quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam và quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành Thông báo và quyết định thu hồi đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T:

Ngày 02/11/2016, Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Thông báo thu hồi đất số 1364/TB-UBND và Thông báo số 1370/TB-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn T. Ngày 10/11/2017, Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 5729/QĐ-UBND và Quyết định số 5722/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T và Quyết định số 5754/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng khu hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở và thương mại tại thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam (BL119) là đúng quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62; điểm a khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Về trình tự, thủ tục, căn cứ thu hồi đất và cưỡng chế thu hồi đất:

Trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 02/6/2010 cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn T thửa đất số 154, Tờ bản đồ số 10 diện tích 235m² đất ở nông thôn và hồ sơ địa chính thửa số 409, Tờ bản đồ số 4 diện tích 80m² đã được hợp pháp hóa cho hộ ông T, gia đình ông T đã nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích đất này, đang chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên hộ gia đình ông T là chủ sử dụng hợp pháp của hai thửa đất trên.

Căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt gồm: Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 20/01/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam; Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/7/2016; Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 08/12/2016; Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khóa XVIII về các dự án chuyển mục đích sử dụng đất dưới 10ha trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt danh mục dự án có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn huyện L năm 2016; Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt bổ sung các dự án phục vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2016 trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 khu nhà ở và thương mại tại thị trấn V, huyện L.

Ngày 02/11/2016, Ủy ban nhân dân huyện L đã ban hành Thông báo thu hồi đất số 1364/TB-UBND và Thông báo số 1370/TB-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn T, thành lập Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng, tiến hành kiểm đếm cây cối, hoa màu trên đất, tổ chức họp dân để giải đáp ý kiến sau khi công khai phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ dân và phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ, Ủy ban nhân dân thị trấn V; Ủy ban mặt trận Tổ quốc xã, thị trấn; Trưởng xóm 7 tiến hành giao trực tiếp các văn bản, quyết định liên quan đến thu hồi đất và phương án phê duyệt bồi thường cho hộ

gia đình ông T và các hộ có liên quan trong phạm vi giải phóng mặt bằng được phê duyệt; tiến hành niêm yết công khai các văn bản, quyết định liên quan đến việc thu hồi đất và phương án bồi thường tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ và Nhà văn hóa xóm 7 theo quy định của pháp luật. Khi tiến hành kiểm đếm cây cối, hoa màu trên đất thu hồi của hộ gia đình ông T, bà Trần Thị L (là vợ ông T) có mặt và ký biên bản đo đạc, kiểm đếm thực địa quyền sử dụng đất, hoa màu, tài sản công trình trên đất; ký nhận Thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án.

Sau khi thực hiện các quy trình niêm yết công khai biên bản kiểm đếm, giá trị phương án bồi thường và các chính sách hỗ trợ, ngày 10/11/2017 Ủy ban nhân dân huyện L đã ban hành Quyết định số 5722/QĐ-UBND về việc thu hồi 80m² đất ở và Quyết định số 5729/QĐ-UBND về việc thu hồi 235m² đất ở đối với hộ ông Nguyễn Văn T; Quyết định số 5754/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nêu trên, theo đó hộ ông T được bồi thường về đất và hoa màu, vật kiến trúc với tổng số tiền là 1.230.406.000đ. Tại hội nghị triển khai kế hoạch giải phóng mặt bằng thực hiện dự án ngày 15/11/2016, bà L đại diện hộ gia đình ông T đồng ý chủ trương thu hồi đất thực hiện dự án, nhưng không đồng ý về giá đất bồi thường với lý do giá đất thấp so với giá đất thực tế.

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất: Như đã nêu trên, sau khi có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Ngày 28/11/2017, Trung tâm phát triển quỹ đất đã thực hiện chi trả tiền bồi thường thu hồi đất cho các hộ có đất bị thu hồi, nhưng hộ gia đình ông T không nhận tiền và không bàn giao đất với lý do đã chia cho các con nên không đồng ý thu hồi đất.

Ngày 23/02/2018, hộ gia đình ông T tự ý chở vật liệu xây dựng (cát, gạch bi) để xây dựng công trình trên đất đã có quyết định thu hồi. Ủy ban nhân dân xã Đ, Mặt trận Tổ Quốc xã và Trung tâm phát triển quỹ đất đã nhiều lần vận động tuyên truyền và thuyết phục gia đình ông T nhận tiền bồi thường, hỗ trợ; chấp hành quyết định thu hồi đất, bàn giao mặt bằng và không được xây dựng công trình trên đất có quyết định thu hồi, nhưng gia đình ông T không chấp hành. Ngày 08/5/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 2850/QĐ-UB và Quyết định số 2851/QĐ-UB về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình ông T; Quyết định số 2854/QĐ-UBND về việc thành lập Ban cưỡng chế thu hồi đất; tiến hành giao các quyết định nêu trên cho hộ ông T và niêm yết các quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ và nhà văn hóa xóm 7. Ngày 16/5/2018, Ban cưỡng chế thu hồi đất đã phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ động viên, thuyết phục gia đình ông T, nhưng hộ ông T vẫn không chấp hành. Đến nay vẫn chưa thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất. Toàn bộ số tiền bồi thường của hộ gia đình ông T đã được Trung tâm phát triển quỹ đất gửi vào tài khoản tạm giữ của Ủy ban nhân dân huyện L tại Kho bạc Nhà nước.

Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Thông báo thu hồi đất số 1364/TB-UBND, Thông báo số 1370/TB-UBND cùng ngày 02/11/2016 về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn T; Quyết định số 5722/QĐ-UBND về việc thu hồi 80m² đất ở, Quyết định số 5729/QĐ-UBND cùng ngày 10/11/2017 về việc thu hồi 235m² đất ở đối với hộ ông Nguyễn Văn T và Chủ tịch Ủy ban

nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 2850/QĐ-UB và Quyết định số 2851/QĐ-UB cùng ngày 08/5/2018 về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình ông T là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62, điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai. Từ những căn cứ và phân tích nêu trên cho thấy việc ông T khởi kiện yêu cầu hủy các Thông báo thu hồi đất và các quyết định thu hồi đất liên quan đến diện tích đất của gia đình ông T bị thu hồi với lý do không có quyết định phê duyệt của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với ý kiến của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T cho rằng vị trí đất Ủy ban nhân dân huyện L thu hồi của gia đình ông là không phù hợp và không liên quan đến dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở và thương mại tại thị trấn huyện V, huyện L thấy: Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam phê duyệt diện tích đất thực hiện dự án là 9,1ha tại thị trấn V. Ngày 05/9/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đã ban hành Quyết định số 1320/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu nhà ở và thương mại tại thị trấn V, huyện L có điều chỉnh so với quy hoạch chung của thị trấn V đối với các vị trí đầu nối giao thông tuân thủ theo đồ án quy hoạch chung thị trấn V đã được phê duyệt. Do đó, Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam đã ban hành Nghị quyết số 42/NQ-HĐTP ngày 08/12/2016 và Nghị quyết số 27/NQ-HĐTP ngày 07/12/2017 về các dự án thu hồi đất và các dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10ha đất trồng lúa bỏ sung năm 2017, 2018 trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Theo đó, đã điều chỉnh dự án khu nhà ở và thương mại tại thị trấn V, huyện L có diện tích 9,44ha tại địa điểm xã Đ và thị trấn V, huyện L. Tại các Công văn số 01/CV-UBND ngày 21/01/2019 của Ủy ban nhân dân xã Đ, Công văn số 01/CV-UBND ngày 11/01/2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn V và tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ủy ban nhân dân huyện L và đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn V đều khẳng định địa giới Ủy ban nhân dân xã Đ và Ủy ban nhân dân thị trấn V giáp ranh nhau là một bờ thửa, quá trình sử dụng đất hộ gia đình ông T đã lấn chiếm 80m² đất nông nghiệp của Ủy ban nhân dân thị trấn V, phần diện tích đất này liền kề với thửa đất của ông T do Ủy ban nhân dân xã Đ quản lý và nằm trong một thửa đất, chỉ ở hai địa giới khác nhau. Tại Công văn số 264a/UBND-PTQĐ ngày 05/4/2019 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc giải trình bổ sung làm rõ Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 20/01/2012 và Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam có nội dung thể hiện: “...*Theo quy định tại Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 20/01/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn V, huyện L đã thể hiện quy hoạch mở rộng thị trấn V bao gồm cả xã Đ tên gọi chung là thị trấn V. Mặt khác, Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 khu nhà ở và thương mại thị trấn V kèm theo bản vẽ quy hoạch chi tiết đã thể hiện rõ khi thực hiện dự án đất ở của hộ ông T tại thửa 154, Tờ bản đồ số 10 Bản đồ địa chính xã Đ và thửa số 409 Tờ bản đồ số 4 Bản đồ địa chính thị trấn V nằm vào vị trí đường giao thông kết nối giữa QL38B với đường của dự án. Đồng thời, kết nối với đường giao thông nối với đường T của thị trấn V. Theo nội dung phê*

duyet tại Quyết định số 1320/QĐ-UBND thể hiện phía Đông giáp khu dân cư hiện trạng và Quốc lộ 38 B...”. Như vậy, dự án trên được phép thu hồi đất của Ủy ban nhân dân xã Đ và Ủy ban nhân dân thị trấn V nên Ủy ban nhân dân huyện L ban hành quyết định thu hồi đất của ông T là đúng vị trí quy hoạch và quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi của chị T2 đề nghị xem xét quy trình lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án tại Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, hồ sơ yêu cầu thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở và thương mại tại thị trấn V, huyện L thấy đề nghị này không thuộc phạm vi yêu cầu khởi kiện, không được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét nên không thuộc phạm vi xem xét của Tòa án cấp phúc thẩm. Đối với việc chấp thuận đấu nối giao thông, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Ủy ban nhân dân huyện L khẳng định toàn bộ diện tích đất của gia đình ông T đã nằm trong diện tích đất quy hoạch thực hiện dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam phê duyệt. Ủy ban nhân dân huyện L đang thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án nên việc đấu nối giao thông thực hiện theo quy hoạch đô thị đã được phê duyệt theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải. Ủy ban nhân dân huyện L đã làm thủ tục đấu nối giao thông và khi có mặt bằng triển khai thi công xây dựng dự án sẽ tiến hành quy hoạch các điểm đấu nối. Như vậy, diện tích đất thu hồi của hộ gia đình ông T đã nằm trong quy hoạch chi tiết tổng thể dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt bao gồm các vị trí đấu nối giao thông tuân thủ theo đồ án quy hoạch chung thị trấn V đã được phê duyệt nên không có cơ sở chấp nhận đề nghị của Luật sư.

Việc Luật sư bảo vệ quyền lợi của chị T2 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm thu thập hồ sơ không đảm bảo quy định của Luật Tố tụng hành chính, có tài liệu Ủy ban nhân dân huyện L cung cấp chỉ là bản photocopy có đóng dấu treo của Trung tâm phát triển quỹ đất và cho rằng Trung tâm phát triển quỹ đất không có chức năng xác nhận thấy: Căn cứ quy định tại Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L thì trung tâm này trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện L, được quyền cung cấp hồ sơ, bản đồ, thông tin, số liệu đất đai, nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật và tiếp nhận đầy đủ hồ sơ pháp lý của các dự án liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường và hỗ trợ tái định cư. Do đó, việc các cơ quan tham mưu trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện L như Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L thực hiện việc cung cấp các tài liệu liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân huyện L theo nhiệm vụ, quyền hạn được phân công là phù hợp với pháp luật. Mặc dù hồ sơ vụ án thể hiện có một số tài liệu liên quan đến việc thu hồi đất do Ủy ban nhân dân huyện L cung cấp chỉ có dấu treo và dấu giáp lai của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L hoặc Ủy ban nhân dân xã Đ, không có chứng thực là thiếu sót, chưa tuân thủ đầy đủ việc thu thập chứng cứ theo quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, Ủy ban nhân dân huyện L đã cung cấp toàn bộ bản gốc các văn bản, tài liệu liên quan đến việc thu hồi đất và bản quy hoạch chi

tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 khu nhà ở và thương mại tại thị trấn V và đã được thẩm định, đối chiếu với tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc thực hiện thu thập chứng cứ khi giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Đối với yêu cầu của Luật sư bảo vệ quyền lợi của chị T2 cho rằng hộ gia đình ông T bị thu hồi hết 80m² đất ở thị trấn V nên phải được xem xét cấp đất ở tái định cư thấy: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông T và người đại diện theo ủy quyền của ông T không yêu cầu hủy quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất mà chỉ yêu cầu hủy các thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất và quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất. Đại diện Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn V) khẳng định hộ gia đình ông T không ở trên 02 thửa đất bị thu hồi và có nhà ở kiên cố, ổn định trên diện tích 550m² thuộc thửa đất số 155, Tờ bản đồ số 10 tại xã Đ, huyện L phù hợp với biên bản kiểm kê đất, tài sản để giải phóng mặt bằng ngày 16/11/2016 đối với diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông T, có chữ ký của bà L (là vợ ông T) thể hiện gia đình ông T chỉ trồng cây, không ở và không có nhà xây dựng trên 02 diện tích đất bị thu hồi. Tại phiên tòa phúc thẩm, Ủy ban nhân dân thị trấn V và Ủy ban nhân dân huyện L khẳng định diện tích 80m² đất ở V là diện tích đất gia đình ông T lấn chiếm và liền thửa với diện tích 235m² đất ở xã Đ của gia đình ông T. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện L bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất thu hồi cho hộ gia đình ông T là đúng quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi của chị T2 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các con dâu và cháu của ông T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm tố tụng thấy: Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 235m² đất cho hộ ông T là ngày 02/6/2010, sổ hộ khẩu của gia đình ông T chỉ có vợ chồng ông T và 03 người con là Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Văn T4; tháng 11/2010 chị Đào Thị H2 (là con dâu ông T) và tháng 5/2012 chị Nguyễn Thị H3 (là con dâu ông T) mới nhập hộ khẩu về nhà ông T. Mặt khác, theo biên bản kiểm kê tài sản trên đất thu hồi và đại diện Ủy ban nhân dân xã Đ (nay sáp nhập lại thành Ủy ban nhân dân thị trấn V) đều thể hiện gia đình ông T không sinh sống ở trên diện tích đất bị thu hồi. Như vậy, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các con dâu của ông T chưa nhập hộ khẩu về gia đình ông T và không sinh sống trên diện tích đất thu hồi. Việc đề nghị đưa các con dâu và cháu của ông T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không cần thiết và không ảnh hưởng quyền lợi của những người này mà chỉ nhằm kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Do đó, kháng cáo của chị T2 cho rằng Tòa án sơ thẩm không đưa các con dâu, cháu của ông T vào tham gia tố tụng là vi phạm tố tụng là không có cơ sở chấp nhận.

Từ các căn cứ nêu trên thấy các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá, xem xét và quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ pháp luật.

Trên cơ sở nhận xét, đánh giá và quyết định của bản án sơ thẩm, ý kiến kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét

xử phúc thẩm nhận thấy các yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị T2 là đại diện theo ủy quyền của ông T là không có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị T2 - là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2019/HC-ST ngày 17/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Áp dụng Điều 30, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 58, Điều 62, Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 71, Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu hủy Thông báo số 1364/TB-UBND ngày 02/11/2016 và Thông báo số 1370/TB-UBND ngày 02/11/2016 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn T; Quyết định số 5729/QĐ-UBND ngày 10/11/2017; Quyết định số 5722/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T; Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 và Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất.

Về án phí: Miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn T. Hoàn trả cho những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T do chị Nguyễn Thị T2 làm đại diện số tiền 600.000đ tạm ứng án phí ông T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002836; 0002837 cùng ngày 07/9/2018 và số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ông T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004064 ngày 09/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam,;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Hạnh

